TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2017/HNGĐ – ST
Ngày 21 tháng 12 năm 2017
V/v: *"Không công nhận vợ chồng giữa chị H và anh N"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Trần Quốc Toản;

Ông: Hà Đức Trưởng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về việc "*Không công nhận vợ chồng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2017/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Hà Thị H**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Khu C, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt);

Bị đơn: **Anh Hoàng Văn N**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Khu C, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ

(có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/9/2017 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Nguyên đơn chị Hà Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn N chung sống như vợ chồng từ năm 1999 tại xóm C, xã T, huyện Th, tỉnh Phú Thọ *(nay là huyện T, tỉnh Phú Thọ)*. Hai bên được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, anh N thường xuyên uống rượu, không tu chí làm ăn, dẫn đến vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn.

Anh chị đã được hai bên gia đình, khu dân cư hòa giải, khuyên bảo nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Anh chị đã ly thân từ tháng 4/2017 đến nay, kể từ thời điểm ly thân vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Hiện tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình trầm trọng. Vì vậy, chị H đề nghị Tòa án nhân dân huyện T không công nhận anh, chị là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Văn Đ, sinh ngày 16/01/2006 và cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 04/6/2001. Trong trường hợp Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng, chị xin được nuôi cháu Đ, anh N nuôi cháu D; hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh N vắng mặt. Tuy nhiên, tại bản tự khai đề ngày 30/10/2017, anh Hoàng Văn N đã trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh N xác nhận giữa anh và chị H được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng từ năm 1999; hai bên không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống vợ chồng chưa xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Vào tháng 4/2017 anh, chị có cãi nhau, sau đó, chị H đi khỏi gia đình; kể từ ngày chị H bỏ đi, hai bên không liên lạc, quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị H yêu cầu Tòa

án không công nhận anh chị là vợ chồng anh không đồng ý. Anh N xin đoàn tụ để vợ chồng tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh N xác nhận anh, chị có con chung như chị H trình bày là đúng. Trong trường hợp Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng, anh xin nuôi cháu D, chị H nuôi cháu Đ, anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của anh N và chị H: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của con chung:

Tại bản tự khai ngày 08/11/2017, cháu Hoàng Văn D trình bày: Hiện nay cháu đang ở với bố. Khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu D là được ở với bố. Việc xin ở với bố của cháu là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Tại bản tự khai ngày 8/11/2017, cháu Hoàng Văn Đ trình bày: Hiện nay cháu đang học ở Trường THCS T và đang ở với mẹ. Khi bố mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu Đ là được ở với mẹ. Việc xin ở với mẹ của cháu là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Hà Thị H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ không công nhận chị và anh Hoàng Văn N là vợ chồng. Căn cứ khoản 7 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 30/10/2017, anh N có đơn đề nghị xin giải quyết, xét xử vắng mặt, bên cạnh đó, ngày 08/11/2017, chị H đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, anh N không có mặt, Tòa án nhân dân huyện T đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh, đồng thời anh có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt Bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Năm 1999, chị Hà Thị H và anh Hoàng Văn N được gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống, nhưng hai bên không đăng ký kết hôn theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Từ đó đến nay, chị H và anh N không đăng ký kết hôn theo hướng dẫn tại điểm b mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/NQ – QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội cụ thể: *"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01 tháng 01 năm 2003…".*

Quá trình chung sống, hai bên thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau nữa nên chị H làm đơn yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh N là vợ chồng.

Phía anh N xin đoàn tụ vợ chồng để anh, chị tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của anh không có căn cứ bởi các lẽ sau: Trong quá trình chung sống anh, chị đã phát sinh mâu thuẫn, hai bên ly thân từ tháng 4/2017 đến nay, cuộc sống gia đình không đầm ấm, hạnh phúc. Quan hệ hôn nhân phải dựa trên sự bình đẳng, tự nguyện và thiện chí. Việc anh xin đoàn tụ chỉ xuất phát từ quan điểm cá nhân anh, chị H không mong muốn, không chấp nhận tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng với anh. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin đoàn tụ của anh N là phù hợp.

Xét yêu cầu của chị H thấy rằng: Do chị H và anh N chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị H xác định quá trình chung sống

không hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh N là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, không công nhận chị H và anh N là vợ chồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị H, anh N có 02 (hai) con chung là cháu Hoàng Văn Đ, sinh ngày 16/01/2006 và cháu Hoàng Văn D, sinh ngày 04/6/2001. Anh N và chị H thống nhất: trong trường hợp Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng thì anh N xin nuôi cháu D, chị H nuôi cháu Đ. Hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Xét yêu cầu của chị H và anh N là phù hợp, cháu D có nguyện vọng được ở với anh N, cháu Đ có nguyện vọng được ở với chị H. Do đó, cần giao cháu D cho anh N, giao cháu Đ cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật; chị H, anh N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Khi chị H, anh N có yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con thì anh, chị được quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ việc khác theo quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Tại đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị H không đề nghị Tòa án giải quyết các quan hệ nêu trên, anh N cũng đồng ý với quan điểm của chị H. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H là phù hợp. Khi chị H, anh N có yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức của hai bên thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ việc khác.

[5]. Về án phí: Chị H là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị Hà Thị H và anh Hoàng Văn N được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và các điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228 và khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Không công nhận chị Hà Thị H và anh Hoàng Văn N là vợ chồng.
2. **Về con chung:** Giao con chung Hoàng Văn D, sinh ngày 04/6/2001 cho anh Hoàng Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên; giao con chung Hoàng Văn Đ, sinh ngày 16/01/2006 cho chị Hà Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Anh N, chị H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không bên nào được cản trở.
3. **Về Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:** Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. **Án phí dân sự sơ thẩm:** Chị Hà Thị H phải chịu 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án theo Biên lai số AA/2016/0000720 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Nay được chuyển thành án phí.
5. **Về quyền kháng cáo:** Chị Hà Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Văn N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai